DRAGON CAPITAL

Số :1204/DCVFM.2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFVND
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 12/04/2024
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	ACB	7,600	6.78%
2	CTG	1,700	1.88%
3	FPT	4,200	15.86%
4	GMD	3,400	8.86%
5	HDB	3,100	2.45%
6	KDH	1,500	1.79%
7	MBB	8,300	6.48%
8	MSB	4,900	2.31%
9	MWG	9,400	16.16%
10	NLG	1,700	2.36%
11	OCB	2,400	1.15%
12	PNJ	3,500	11.50%
13	REE	2,000	4.13%
14	TCB	5,000	7.41%
15	TPB	3,800	2.29%
16	VIB	3,700	2.78%
17	VPB	6,900	4.39%
18	VRE	1,400	1.10%
II.	Tiền/ Cash (VND)	9,363,330	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 3,033,350,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 3,042,713,330
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 9,363,330
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	29,865	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
FPT	126,390	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
GMD	87,230	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	26,125	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
OCB	16,060	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	110,000	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	69,190	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
TCB	49,610	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	25,190	à đầu tư nước ngoàiForeign AP/Inv	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 12/04/2024	Kỳ trước/Last period (**) 11/04/2024	Chênh lệch/ Changes
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	23	12	11
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	35	1	34
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	517,600,000	518,800,000	-1,200,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	30,940	30,310	630
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	15,752,126,913,733	15,788,108,334,029	-35,981,420,296
của một lô ETF/per Creation Unit	3,042,713,330	3,039,096,888	3,616,442
của một chứng chỉ quỹ/per Share	30,427.13	30,390.96	36.17
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,157.65	2,116.83	40.82

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/04/2024/(*)The criteria #5 is represented by NAV as at 11/04/2024

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/04/2024/(**)The criteria #5 is represented by NAV as at 10/04/2024

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 15/04/2024